



Xác định đáp án miêu tả đúng nhất về dung tích.

Câu trả lời

Xícara

Una taza se refiere a la cantidad de leche que se obtiene de la cafetería.



Pinta

Uma pinta é aproximadamente a quantidade que você recebe em um copo grande.
1 pinta = 2 xícaras



Quarto

Um quarto é mais ou menos a quantidade que você consegue em um recipiente grande de leite.
1 cuarto = 2 pintas



Galón

Un galón es la cantidad que viene en un recipiente de plástico grande.
1 galón = 4 cuartos



1)



Dung tích của nắp chai

- A. 1 pint
- B. 0.2 ounce chất lỏng
- C. 1 ly
- D. 2 ounce chất lỏng

2)



Dung tích của một giọt mồ hôi

- A. 2 ounce chất lỏng
- B. 1 ly
- C. 0.002 ounce chất lỏng
- D. 0.2 ounce chất lỏng

3)



Dung tích của một bể cá cỡ vừa

- A. 1 gallon
- B. 20 gallons
- C. 1 quart
- D. 200 gallons

4)



Dung tích của một cốc cà phê tiêu chuẩn

- A. 1 quart
- B. 2 ounce chất lỏng
- C. 1 ly
- D. 1 gallon

5)



Dung tích của thùng rác ngoài trời có bánh xe

- A. 10 gallons
- B. 5 gallons
- C. 60 gallons
- D. 1 quart

6)



Dung tích của một chai sốt BBQ

- A. 2 gallons
- B. 18 ounce chất lỏng
- C. 5 gallons
- D. 2 ounce chất lỏng

7)



Dung tích của can nhựa lớn đựng cát vệ sinh cho mèo

- A. 1 ly
- B. 1 pint
- C. 1.2 gallons

8)



Dung tích của thùng rác thương mại nhỏ

- A. 50 gallons
- B. 1 gallon
- C. 500 gallons
- D. 10 gallons

9)



Dung tích của một hộp sữa chua lớn

- A. 1 gallon
- B. 1 ly
- C. 32 ounce chất lỏng
- D. 4 gallons

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____



Xác định đáp án miêu tả đúng nhất về dung tích.

Câu trả lời

Xícara

Una taza se refiere a la cantidad de leche que se obtiene de la cafetería.



Pinta

Uma pinta é aproximadamente a quantidade que você recebe em um copo grande.
1 pinta = 2 xícaras



Quarto

Um quarto é mais ou menos a quantidade que você consegue em um recipiente grande de leite.
1 cuarto = 2 pintas



Galón

Un galón es la cantidad que viene en un recipiente de plástico grande.
1 galón = 4 cuartos



1)



Dung tích của nắp chai

- A. 1 pint
- B. 0.2 ounce chất lỏng
- C. 1 ly
- D. 2 ounce chất lỏng

2)



Dung tích của một giọt mồ hôi

- A. 2 ounce chất lỏng
- B. 1 ly
- C. 0.002 ounce chất lỏng
- D. 0.2 ounce chất lỏng

3)



Dung tích của một bể cá cỡ vừa

- A. 1 gallon
- B. 20 gallons
- C. 1 quart
- D. 200 gallons

4)



Dung tích của một cốc cà phê tiêu chuẩn

- A. 1 quart
- B. 2 ounce chất lỏng
- C. 1 ly
- D. 1 gallon

5)



Dung tích của thùng rác ngoài trời có bánh xe

- A. 10 gallons
- B. 5 gallons
- C. 60 gallons
- D. 1 quart

6)



Dung tích của một chai sốt BBQ

- A. 2 gallons
- B. 18 ounce chất lỏng
- C. 5 gallons
- D. 2 ounce chất lỏng

7)



Dung tích của can nhựa lớn đựng cát vệ sinh cho mèo

- A. 1 ly
- B. 1 pint
- C. 1.2 gallons

8)



Dung tích của thùng rác thương mại nhỏ

- A. 50 gallons
- B. 1 gallon
- C. 500 gallons
- D. 10 gallons

9)



Dung tích của một hộp sữa chua lớn

- A. 1 gallon
- B. 1 ly
- C. 32 ounce chất lỏng
- D. 4 gallons

1. **B**
2. **C**
3. **B**
4. **C**
5. **C**
6. **B**
7. **C**
8. **C**
9. **C**